

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho kỳ kế toán Quý II từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 31
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý II từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 04 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 3.299.945.720.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hường	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thủy Nga	Thành viên

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng Quý II đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Đỗ Hữu Hạ**

Tổng Giám đốc

Hải phòng, ngày 17 tháng 10 năm 2016

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>521.223.145.752</b>	<b>365.321.460.701</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>68.735.798.895</b>	<b>154.445.677.790</b>
111	1. Tiền		25.735.798.895	6.445.677.790
112	2. Các khoản tương đương tiền		43.000.000.000	148.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>83.175.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	83.175.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>102.187.894.504</b>	<b>20.967.246.999</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	97.430.795.630	16.550.773.012
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.757.098.874	3.522.318.389
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		-	894.155.598
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>06</b>	<b>309.017.629.502</b>	<b>103.077.842.276</b>
141	1. Hàng tồn kho		309.179.989.502	104.000.522.276
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(162.360.000)	(922.680.000)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.281.822.851</b>	<b>3.655.693.636</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	66.666.664
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.271.918.918	3.585.963.972
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	9.903.933	3.063.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.328.859.764.081</b>	<b>1.023.160.413.525</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>30.000.000</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>92.058.244.704</b>	<b>288.368.222.656</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	38.649.318.074	39.859.877.862
222	- Nguyên giá		76.810.399.455	76.301.795.101
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.161.081.381)	(36.441.917.239)
227	2. Tài sản cố định vô hình	09	53.408.926.630	248.508.344.794
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	251.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.920.459.260)	(2.821.041.096)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>245.048.042.921</b>	<b>-</b>
231	- Nguyên giá		246.029.377.096	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(981.334.175)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>07</b>	<b>211.181.817</b>	<b>28.392.190.869</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		211.181.817	28.392.190.869
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>2.991.512.294.639</b>	<b>706.400.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.009.409.650.000	356.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.982.102.644.639	350.400.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.850.082.909.833</b>	<b>1.388.481.874.226</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>62.501.491.081</b>	<b>109.413.621.868</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>61.738.713.835</b>	<b>109.413.621.868</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	898.895.237	2.184.604.045
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	22.195.864.845	105.222.088.264
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	21.164.369.127	762.142.020
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	14.861.566.293	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	2.480.422.270	1.107.191.476
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		-	-
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>762.777.246</b>	<b>-</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		762.777.246	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.787.581.418.752</b>	<b>1.279.068.252.358</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>3.787.581.418.752</b>	<b>1.279.068.252.358</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.299.945.720.000	1.200.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.299.945.720.000	1.200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		487.635.698.752	79.068.252.358
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		79.068.252.358	76.056.382.692
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		408.567.446.394	3.011.869.666
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.850.082.909.833</b>	<b>1.388.481.874.226</b>

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	
			Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
		VND		VND		
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	445.750.092.755	227.052.088.204	533.082.447.225	356.962.743.309
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	754.545.455	-	754.545.455	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		444.995.547.300	227.052.088.204	532.327.901.770	356.962.743.309
11	4. Giá vốn hàng bán	20	338.275.468.868	205.355.963.310	421.673.664.147	296.495.060.038
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		106.720.078.432	21.696.124.894	110.654.237.623	60.467.683.271
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.679.559.652	2.996.407.277	325.750.570.020	4.498.969.124
22	7. Chi phí tài chính	22	4.458.213	1.434.243.643	4.458.213	3.810.466.422
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	1.434.243.643	-	3.810.466.422
25	8. Chi phí bán hàng	23	629.820.420	199.095.677	854.412.711	199.095.677
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.090.441.519	2.784.344.516	4.907.406.445	4.291.277.506
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		105.674.917.932	20.274.848.335	430.638.530.274	56.665.812.790
31	11. Thu nhập khác	25	72.240.718	30.485.000	73.240.718	30.485.000
32	12. Chi phí khác		-	-	63.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		72.240.718	30.485.000	73.177.718	30.485.000

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.747.158.650	20.305.333.335	430.711.707.992	56.696.297.790
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.149.431.730	4.467.173.334	22.144.261.598	12.473.185.514
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	84.597.726.920	15.838.160.001	408.567.446.394	44.223.112.276

Người lập biểu

*stuo2*

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

*Thuong*

Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		430.711.707.992	56.696.297.790
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(323.383.193.670)	3.687.974.244
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.799.916.481	1.628.273.640
03	- Các khoản dự phòng		(760.320.000)	1.971.988.779
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(325.422.790.151)	(1.457.443.394)
06	- Chi phí lãi vay		-	1.545.155.219
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		107.328.514.322	60.384.272.034
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(86.787.024.167)	(68.255.000.713)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(205.179.467.226)	(227.192.147.313)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(82.626.684.603)	(5.057.572.463)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		66.666.664	(100.803.888)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(1.545.155.219)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.747.797.284)	(8.352.435.836)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(268.945.792.294)	(250.118.843.398)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.195.302.113)	(3.651.706.124)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(330.172.000.000)	(486.727.620.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		383.347.000.000	511.927.620.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.285.112.294.639)	(36.000.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		325.422.790.151	1.457.443.394
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.916.709.806.601)	(12.994.262.730)

HCP ★ S.A.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của sở hữu		2.099.945.720.000	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	344.357.659.135
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(163.995.222.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.099.945.720.000</b>	<b>180.362.437.135</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(85.709.878.895)</b>	<b>(82.750.668.993)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>154.445.677.790</b>	<b>408.181.081.563</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>03</b>	<b>68.735.798.895</b>	<b>325.430.412.570</b>

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 04 năm 2016 với tổng số vốn điều lệ là 3.299.945.720.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.299.945.720.000 đồng; tương đương 329.994.572 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng sắt;
- Vận tải quặng sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Chi tiết: Khai thác quặng bôxít; Khai thác quặng đồng, chì, niken;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp):

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động)
- Đúc kim loại màu (trừ đúc vàng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Hoạt động cấp tín dụng khác; Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 8c/2016/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc mua và nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS). Tới nay số cổ phần Công ty đã mua và nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) là 100.488.954 cổ phiếu, tương ứng 36,58%.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phương Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết:* Được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 năm
--------------------------	--------

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
Tiền mặt	468.263.788	624.060.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.267.535.107	5.821.617.366
Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	148.000.000.000
	<b>68.735.798.895</b>	<b>154.445.677.790</b>



Tại ngày 30/09/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 02 tháng có giá trị 43.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,4 %/năm.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	83.175.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	30.000.000.000	-	83.175.000.000	-
	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>83.175.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại thời điểm 30/09/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ ngày 28/09/2016 đến 28/03/2017 có giá trị 30.000.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất là: 6,3%/ năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con	1.009.409.650.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1.009.409.650.000	-	356.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.982.102.644.639	-	356.000.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	266.000.000.000	-	350.400.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000	-	80.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312.000.000.000	-	134.400.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	252.000.000.000	-	136.000.000.000	-
- Công ty CPP Phát triển Thương mại Việt Dũng	223.200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	794.502.644.639	-	-	-
	<b>2.991.512.294.639</b>	-	<b>706.400.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hung Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,99%	99,99%	Đầu tư bất động sản

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Km 9 QL5 Nam Sơn, An Dương Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Số 212 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải ,..
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Dũng	Số 324 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, x máy, bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Số 116, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	36,58%	36,58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy số 8c/2016/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc mua và nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) số cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) đến ngày 30/09/2016 là 100.488.954 cổ phiếu, tương ứng 36,58%.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh 30.**

## 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	15.103.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	26.247.900.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star	10.090.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	16.205.000.000	2.580.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Vận Tài Đức Vinh	-	1.848.000.000
- NAVISTAR, INC	247.154.625	1.040.205.000
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Ngọc Việt	-	4.200.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	29.537.741.005	6.882.568.012
	<b>97.430.795.630</b>	<b>16.550.773.012</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>	<b>97.430.795.630</b>	<b>16.550.773.012</b>
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	97.430.795.630	16.550.773.012
	<b>97.430.795.630</b>	<b>16.550.773.012</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>83.286.399.999</b>	<b>104.263.999.999</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)</i>		

## 6. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	62.673.144.051	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	117.247.290	-	147.064.192	-
- Thành phẩm	66.635.502.166	-	73.043.881.760	-
- Hàng hóa	16.956.264.885	(162.360.000)	26.744.875.814	(922.680.000)
- Hàng gửi bán	162.797.831.110	-	4.064.700.510	-
	<b>309.179.989.502</b>	<b>(162.360.000)</b>	<b>104.000.522.276</b>	<b>(922.680.000)</b>

## 7. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	211.181.817	28.392.190.869
<i>Công trình Tòa nhà 183 Bà Triệu, Hà Nội</i>	-	28.392.190.869
<i>Công trình xây dựng Chung cư tại Lê Lợi - Hải Phòng</i>	211.181.817	-
	<b>211.181.817</b>	<b>28.392.190.869</b>

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	64.812.022.498	2.015.589.550	8.663.227.727	735.045.826	75.909.500	76.301.795.101
- Mua trong kỳ	436.363.636	-	-	-	-	436.363.636
- Tăng khác	-	-	-	72.240.718	-	72.240.718
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>65.248.386.134</b>	<b>2.015.589.550</b>	<b>8.663.227.727</b>	<b>807.286.544</b>	<b>75.909.500</b>	<b>76.810.399.455</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	28.965.508.896	1.924.717.609	5.077.182.750	468.182.192	6.325.792	36.441.917.239
- Khấu hao trong kỳ	1.171.917.786	18.984.990	469.802.172	39.481.818	18.977.376	1.719.164.142
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.137.426.682</b>	<b>1.943.702.599</b>	<b>5.546.984.922</b>	<b>507.664.010</b>	<b>25.303.168</b>	<b>38.161.081.381</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	35.846.513.602	90.871.941	3.586.044.977	266.863.634	69.583.708	39.859.877.862
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>35.110.959.452</b>	<b>71.886.951</b>	<b>3.116.242.805</b>	<b>299.622.534</b>	<b>50.606.332</b>	<b>38.649.318.074</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

**12.043.512.606 VND**

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	251.217.489.700	111.896.190	251.329.385.890
- Số giảm do chuyển sang Bất động sản đầu tư cho thuê	(195.000.000.000)	-	(195.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.217.489.700</b>	<b>111.896.190</b>	<b>56.329.385.890</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.709.144.906	111.896.190	2.821.041.096
- Khấu hao trong kỳ	99.418.164	-	99.418.164
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.808.563.070</b>	<b>111.896.190</b>	<b>2.920.459.260</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	248.508.344.794	-	248.508.344.794
Tại ngày cuối kỳ	<b>53.408.926.630</b>	-	<b>53.408.926.630</b>
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			<b>111.896.190</b>

## 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
- Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	51.029.377.096	51.029.377.096
- Chuyển từ TSCĐ Vô hình sang BĐS đầu tư	195.000.000.000	-	195.000.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>51.029.377.096</b>	<b>246.029.377.096</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	981.334.175	981.334.175
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>981.334.175</b>	<b>981.334.175</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	<b>195.000.000.000</b>	<b>50.048.042.921</b>	<b>245.048.042.921</b>

Bất động sản đầu tư là: Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 183, Bà Triệu, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107035271-01, hồ sơ gốc số 6883.2003.QĐUB/17549.2003 do Sở Tài nguyên môi trường và nhà đất Hà Nội cấp ngày 14/12/2004, đăng ký sang tên nhận vốn góp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận Hai Bà Trưng ngày 8/5/2015; Và giá trị xây dựng Tòa nhà văn phòng tại 183, Bà Triệu, Thành phố Hà Nội tạm tăng theo quyết định bàn giao đưa vào sử dụng ngày 01/04/2016 theo chi phí thực tế phát sinh và dự toán một số hạng mục đã hoàn thành, chờ quyết toán.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà</b>				
- Công ty TNHH xây dựng Lê Quân	348.537.620	348.537.620	148.537.620	148.537.620
- Công ty TNHH MTV ô tô Trung Việt	287.169.094	287.169.094	287.169.094	287.169.094
- Công ty TNHH tư vấn giám sát và Xây dựng La Thành Đô	-	-	545.537.545	545.537.545
- Phải trả các đối tượng khác	263.188.523	263.188.523	1.203.359.786	1.203.359.786
	<b>898.895.237</b>	<b>898.895.237</b>	<b>2.184.604.045</b>	<b>2.184.604.045</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	898.895.237	898.895.237	2.184.604.045	2.184.604.045
	<b>898.895.237</b>	<b>898.895.237</b>	<b>2.184.604.045</b>	<b>2.184.604.045</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Ô tô Hùng Anh	1.262.864.827	-
- Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng	5.185.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	9.474.000.000	101.172.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	1.300.000.000	755.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Thuận Sơn	775.000.000	-
- Công ty TNHH Trường Vinh HINO	150.000.000	1.000.000.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	4.049.000.018	2.295.088.264
	<b>22.195.864.845</b>	<b>105.222.088.264</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	63.000	-	54.979.086.565	54.988.927.498	9.903.933	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	25.801.550.831	25.801.550.831	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	752.967.416	22.144.261.598	1.747.797.284	-	21.149.431.730
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.174.604	131.551.707	125.788.914	-	14.937.397
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	412.724.639	412.724.639	-	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	<b>3.063.000</b>	<b>762.142.020</b>	<b>103.472.175.340</b>	<b>83.076.789.166</b>	<b>9.903.933</b>	<b>21.164.369.127</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà văn phòng cho thuê tại 183, Bà Triệu Hà Nội	14.861.566.293	-
	<b>14.861.566.293</b>	<b>-</b>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	2.480.422.270	1.107.191.476
	<b>2.480.422.270</b>	<b>1.107.191.476</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/07/2015	1.089.897.347.451	33.736.617.084	1.123.633.964.535
Lãi trong kỳ trước	-	15.838.160.001	15.838.160.001
Số dư tại 30/09/2015	<b>1.089.897.347.451</b>	<b>49.574.777.085</b>	<b>1.139.472.124.536</b>
Số tại 01/07/2016	3.299.945.720.000	403.037.971.832	3.702.983.691.832
Lãi trong kỳ này	-	84.597.726.920	84.597.726.920
Số dư tại 30/09/2016	<b>3.299.945.720.000</b>	<b>487.635.698.752</b>	<b>3.787.581.418.752</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Ông Đỗ Hữu Hạ	1.373.487.500.000	41,62%	600.000.000.000	50,00%
- Ông Đỗ Hữu Hậu	165.000.000.000	5,00%	60.000.000.000	5,00%
- Cổ đông khác	1.761.458.220.000	53,38%	540.000.000.000	45,00%
	<b>3.299.945.720.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.200.000.000.000	1.089.897.347.451
- Vốn góp tăng trong kỳ	2.099.945.720.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	3.299.945.720.000	1.089.897.347.451

d) Cổ phiếu

	30/09/2016	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.994.572	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.994.572	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	329.994.572	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.994.572	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	329.994.572	120.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/09/2016	01/04/2016
- Đô la Mỹ	USD	1.505,56	1.506,59
- Euro	EUR	8,95	8,95

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	10.536.404.707	133.860.864.798
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	15.440.000.000	39.792.000.000
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	499.600.554.970	177.472.727.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	7.505.487.548	5.837.151.202
	<b>533.082.447.225</b>	<b>356.962.743.309</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	454.096.318.182	187.988.448.645

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	754.545.455	-
	<b>754.545.455</b>	-

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	9.389.762.212	92.578.409.131
Giá vốn của thành phẩm xường oto đã bán	12.607.177.859	35.022.209.638
Giá vốn của oto đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	396.776.648.560	167.615.908.442
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.660.395.516	1.278.532.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(760.320.000)	-
	<b>421.673.664.147</b>	<b>296.495.060.038</b>

## 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.432.390.151	3.972.178.244
Cổ tức, lợi nhuận được chia	319.990.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	327.779.869	526.790.880
	<b>325.750.570.020</b>	<b>4.498.969.124</b>

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	1.101.602.193
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	4.458.213	736.875.450
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	1.971.988.779
	<b>4.458.213</b>	<b>3.810.466.422</b>

## 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	470.844.735	194.238.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.137.516	-
Chi phí khác bằng tiền	64.430.460	4.856.723
	<b>854.412.711</b>	<b>199.095.677</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	974.536.454	857.338.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.548.799.194	1.232.102.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.977.731.118	2.072.781.181
Chi phí khác bằng tiền	406.339.679	129.054.912
	<b>4.907.406.445</b>	<b>4.291.277.506</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Xử lý Công nợ phải trả nhưng không phải thanh toán	-	30.485.000
Tài sản nhận biếu, tặng	72.240.718	-
Thu nhập khác	1.000.000	-
	<b>73.240.718</b>	<b>30.485.000</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	430.711.707.992	56.696.297.790
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(319.990.400.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(319.990.400.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	110.721.307.992	56.696.297.790
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>22.144.261.598</b>	<b>12.473.185.514</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm kỳ	752.967.416	576.454.962
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.747.797.284)	(8.352.435.836)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>21.149.431.730</b>	<b>4.697.204.640</b>
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.144.261.598	12.473.185.514
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>21.149.431.730</b>	<b>4.697.204.640</b>

## 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2016 đến	Từ 01/04/2015 đến
	30/09/2016	30/09/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.648.307.645	241.448.665.024
Chi phí nhân công	2.622.999.364	4.017.144.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.799.916.481	1.628.273.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.030.379.975	3.209.272.558
Chi phí khác bằng tiền	495.974.677	216.007.077
	<b>560.597.578.142</b>	<b>250.519.362.307</b>

## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.735.798.895	-	154.445.677.790	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.460.795.630	-	17.444.928.610	-
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	83.175.000.000	-
	<b>196.196.594.525</b>	<b>-</b>	<b>255.065.606.400</b>	<b>-</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	1.661.672.483	2.184.604.045
Chi phí phải trả	14.861.566.293	-
	<b>16.523.238.776</b>	<b>2.184.604.045</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.735.798.895	-	-	68.735.798.895
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.430.795.630	30.000.000	-	97.460.795.630
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	<b>196.166.594.525</b>	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>	<b>196.196.594.525</b>

<b>Tại ngày 01/04/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.445.677.790	-	-	154.445.677.790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.444.928.610	-	-	17.444.928.610
Các khoản cho vay	83.175.000.000	-	-	83.175.000.000
	<b>255.065.606.400</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>255.065.606.400</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	898.895.237	762.777.246	-	1.661.672.483
Chi phí phải trả	14.861.566.293	-	-	14.861.566.293
	<b>15.760.461.530</b>	<b>762.777.246</b>	<b>-</b>	<b>16.523.238.776</b>

<b>Tại ngày 01/04/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.184.604.045	-	-	2.184.604.045
	<b>2.184.604.045</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.184.604.045</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2016 đến	Từ 01/04/2015 đến
		30/09/2016	30/09/2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	48.985.454.545	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	54.222.636.364	30.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	11.654.136.364	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	31.792.727.273	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	18.355.454.545	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết của công ty con	177.476.363.636	145.836.363.677
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	14.526.818.182	38.924.357.697
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên	52.280.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết của công ty con	44.802.727.273	3.167.727.271
<b>Cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	95.200.000.000
<b>Lãi vay phải thu trong kỳ</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	961.688.888
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	319.990.400.000	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2016 đến	Từ 01/04/2015 đến
		30/09/2016	30/09/2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	48.985.454.545	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	54.222.636.364	30.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	11.654.136.364	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	31.792.727.273	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	18.355.454.545	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết của công ty con	177.476.363.636	145.836.363.677
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	14.526.818.182	38.924.357.697
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên	52.280.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết của công ty con	44.802.727.273	3.167.727.271
<b>Cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	95.200.000.000
<b>Lãi vay phải thu trong kỳ</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	961.688.888
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	319.990.400.000	-



Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	30/09/2016	01/04/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>83.286.399.999</b>	<b>104.263.999.999</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	15.103.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	26.247.900.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	7.775.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	7.434.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	4.659.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết của công ty con	-	101.172.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết của công ty con	654.999.999	351.999.999
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết của công ty con	5.207.500.000	160.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên	16.205.000.000	2.580.000.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>9.474.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết của công ty con	9.474.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/04/2016 đến	Từ 01/04/2015 đến
	30/09/2016	30/09/2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	415.660.385	257.738.250

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2016



Đỗ Hữu Hạ

